

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

**Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp
chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ**

Số 28 ra ngày 10/7/2023

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG
Phòng Thông tin Xuất nhập khẩu
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội
Bộ phận biên tập:
Tel: (024) 22192875
Phụ trách nội dung
ĐD: 0986836889
Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:
Tel: (024) 37152586
(024) 37152585
(024) 37152584
Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN	2
THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU	4
<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Hàn Quốc giảm</i>	4
<i>Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tới Mỹ chiếm 79,1%</i>	9
<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần</i>	12
<i>Nhập khẩu gỗ sồi từ Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất</i>	16
<i>Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU tăng trở lại</i>	18
<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần</i>	22
<i>Xuất khẩu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ</i>	24
THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ	26
<i>Ngành nội thất Trung Quốc xây dựng hệ thống sản xuất xanh</i>	26
<i>Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, bao gồm cả đồ nội thất của Malaysia, dự kiến đạt 19 tỷ RM vào năm 2025</i>	27
THAM KHẢO	27
<i>Mời doanh nghiệp tham dự Hội chợ quốc tế đồ gỗ Algeria vào tháng 9/2023</i>	27
<i>Lưu ý về thanh toán đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Pakixtan</i>	28

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.
Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Tuần vừa qua, các thông tin cho thấy kinh tế Mỹ, Trung Quốc và châu Âu tiếp tục trì trệ.

Tại Mỹ: Kinh tế Mỹ cho thấy những tín hiệu kém khả quan khi hoạt động sản xuất của Mỹ trong tháng 6 giảm nhiều hơn dự báo, làm dấy lên lo ngại chi phí vay cao sẽ tác động xấu đến hoạt động kinh tế của nước này ở mức độ lớn hơn, trong khi chi tiêu của người tiêu cũng giảm mạnh. Theo Viện quản lý nguồn cung (ISM), hoạt động chế tạo của Mỹ trong tháng 6/2023 đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020. Theo đó, PMI sản xuất của Mỹ đã giảm từ 46,9 trong tháng 5/2023 xuống 46,0 trong tháng 6/2023, mức thấp nhất kể từ tháng 5/2020. Đây là tháng thứ 8 liên tiếp PMI ở dưới ngưỡng 50. Cuộc khảo sát của ISM cho thấy dấu hiệu của một nền kinh tế đang suy thoái, đồng thời cũng thể hiện việc lạm phát tại Mỹ đang được kiểm soát. Theo Bộ Thương mại Mỹ, Chỉ số giá chi tiêu tiêu dùng cá nhân (không bao gồm giá lương thực và năng lượng dễ biến động - PCE lõi) trong tháng 5/2023 tăng 3,8% so với cùng kỳ năm ngoái, giảm đáng kể so với mức tăng 4,3% ghi nhận một tháng trước đó. Tháng 5/2023, PCE lõi chỉ giảm nhẹ từ mức tăng 4,7% trong tháng 4/2023 xuống 4,6%, cho thấy lạm phát cao vẫn kéo dài. Lạm phát cao khiến chi tiêu cá nhân ở Mỹ trong tháng 5/2023 chỉ tăng 0,1%, thấp hơn mức dự báo tăng 0,2% và so với mức tăng 0,6% trong tháng 4/2023. Trong đó, chi tiêu cho dịch vụ tăng 52,0 tỷ USD, bù đắp một phần cho mức giảm 33,1 tỷ USD trong chi tiêu cho hàng hóa.

Tại Trung Quốc: Các dữ liệu kinh tế công bố trong tuần vừa qua tiếp tục cho thấy sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc đang đình trệ. Theo đó, Chỉ số người quản trị mua hàng (PMI) chính thức của Trung Quốc tiếp tục ở mức dưới 50, cho thấy hoạt động sản xuất tại nước này tiếp tục giảm. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS), chỉ số PMI của nước này đạt 49,0 trong tháng 6/2023, tăng nhẹ so với mức 48,8 được ghi nhận vào tháng 5/2023. Trong khi đó, Chỉ số nhà quản lý mua hàng (PMI) của Trung Quốc do Caixin/S&P Global công bố cũng giảm từ 50,9 điểm trong tháng 5/2023 xuống 50,5 điểm trong tháng 6/2023. Các chỉ số này cho thấy hoạt động chế tạo ở Trung Quốc tháng 6/2023 tiếp tục giảm và sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc vẫn chưa ổn định. Báo cáo của Caixin cũng cho thấy nhiều nhà sản xuất tại Trung Quốc đã cắt giảm số lượng nhân lực trong tháng thứ 4 liên tiếp do doanh số bán hàng giảm mạnh. Áp lực giảm phát đang gia tăng khi chi phí đầu vào trong tháng 6/2023 giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 1/2016, trong khi các doanh nghiệp hạ giá bán do cạnh tranh gia tăng. Sự lạc quan về triển vọng sản xuất giảm xuống mức thấp nhất trong 8 tháng do một số công ty bày tỏ lo ngại về điều kiện thị trường tương đối ảm đạm.

Tại châu Âu: Hoạt động sản xuất tại khu vực Eurozone tháng 6/2023 tiếp tục giảm. Theo đó, Chỉ số quản lý thu mua (PMI) của khu vực Eurozone, do ngân hàng HCOB (Đức) phối hợp với S&P Global tổng hợp, trong tháng 6/2023 giảm xuống mức 43,4 từ mức 44,8 trong tháng 5/2023. Đây cũng là mức thấp nhất kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, thấp hơn mức 43,6 ước tính sơ bộ trước đó và cũng thấp hơn nhiều so với ngưỡng 50. Hoạt động sản xuất tại khu vực đang chịu tác động mạnh do lãi suất cao khiến sức mua của người tiêu dùng giảm và các doanh nghiệp vay nợ nhiều. Trong khi đó, lạm phát cao tại khu vực vẫn dai dẳng. Theo đó, lạm phát lõi lại đang tăng lên, tăng 5,4% trong tháng 6/2023, so với 5,3% của tháng trước, khi chi phí dịch vụ tăng mạnh. Trước đây, lạm phát phần lớn là do tác động của đại dịch và căng thẳng địa chính trị với Nga, nhưng hiện nay mối quan tâm chính đang là nhu cầu dịch

vụ du lịch mạnh và tốc độ tăng lương. Thị trường lao động tại khu vực vẫn mạnh khi tỷ lệ thất nghiệp được điều chỉnh theo mùa ở Khu vực đồng Euro tiếp tục ở mức thấp kỷ lục, 6,5% vào tháng 5/2023, không thay đổi so với tháng trước. Số người thất nghiệp giảm thêm 57 nghìn so với một tháng trước đó xuống còn 11,014 triệu, mức thấp nhất kể từ khi chỉ số này được theo dõi vào năm 1995.

2. Kinh tế trong nước

Những khó khăn của kinh tế thế giới tiếp tục tác động mạnh đến hoạt động của kinh tế của Việt Nam. Theo S&P Global, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng - Manufacturing Purchasing Managers' Index (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam trong tháng 6/2023 vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ tư liên tiếp, ở mức 46,2, tăng so với mức 45,3 điểm của tháng 5/2023. Các nhà sản xuất ở Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn khi nhu cầu thị trường thấp, sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm. Tổng số lượng đơn đặt hàng mới giảm tháng thứ tư liên tiếp, nhưng tốc độ giảm đã được cải thiện so với tháng 5/2023. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới giảm nhanh hơn tổng số lượng đơn đặt hàng mới khi nhu cầu trên thị trường quốc tế giảm.

Trước những khó khăn, thách thức của nền kinh tế, trong cuộc họp Chính phủ thường kỳ tháng 6/2023, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quyết tâm giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát tốt lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, trong đó, ưu tiên tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh. Trong cuộc họp, Bộ Công Thương đã đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp trong thời gian tới. Bộ Công Thương đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đặc biệt là các Sở Công Thương, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương khẩn trương hoàn thiện các đề án, chiến lược, kế hoạch phát triển công nghiệp, thương mại địa phương để kịp thời tích hợp trong quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành quốc gia. Bên cạnh đó, các địa phương tập trung rà soát, tháo gỡ thực chất những khó khăn, vướng mắc đối với từng doanh nghiệp, dự án, nhất là doanh nghiệp, dự án lớn trên địa bàn. Từ đó, nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách địa phương và đề xuất Trung ương ban hành cơ chế, chính sách quốc gia để gỡ khó cho doanh nghiệp và thu hút đầu tư – nhất là vốn dân doanh. Trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn đang điều chỉnh, sắp xếp lại; đồng thời nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ, rào cản thương mại, rất cần doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật thông tin, dự báo tình hình thị trường... Trên cơ sở này, doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn phù hợp với diễn biến thị trường, cũng như tìm ra những giải pháp dài hạn trong sản xuất hướng đến mục tiêu bền vững. Để giải quyết thách thức về sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng..., doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa hình thức xúc tiến thương mại phù hợp với những xu hướng toàn cầu. Doanh nghiệp cần bắt kịp xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi công nghệ..., đảm bảo tiêu chuẩn hàng hóa đáp ứng đa dạng thị trường.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Ước tính kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Hàn Quốc trong tháng 6/2023 đạt 55,1 triệu USD, giảm 42% so với tháng 6/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc ước tính đạt 380,4 triệu USD, giảm 30,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tháng 6/2023 xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 102,5 triệu USD, giảm 51,2% so với tháng 6/2022. Trong 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 684,4 triệu USD, giảm 46,6% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 27/6/2023 đến 4/7/2023, đạt 283,3 triệu USD, tăng 7,5% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 179,8 triệu USD, tăng 11,6% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 6/2023 đạt 35,8 nghìn m³, trị giá 19,7 triệu USD, tăng 5,9% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 5/2023; so với tháng 6/2022 tăng 11,9% về lượng nhưng giảm 11,4% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ sồi đạt 140,2 nghìn m³, trị giá 78,5 triệu USD, tăng 5,6% về lượng và giảm 7,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU về Việt Nam trong tháng 6/2023 giảm trở lại, ước tính đạt 66,0 nghìn m³, trị giá 21,0 triệu USD, giảm 11,0% về lượng và giảm 8,2% về trị giá so với tháng 5/2023; nâng tổng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU trong nửa đầu năm 2023 đạt 330,71 nghìn m³, trị giá 102,03 triệu USD, giảm 16,6% về lượng và giảm 22,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Trong tuần từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 49,2 triệu USD, tăng 30,1% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 13/6/2023 đến 26/6/2023 đạt 4,46 triệu USD, tăng 12,4% so với kỳ trước (từ 30/5/2023 đến 13/6/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 2,34 triệu USD, giảm 7,7% so với kỳ trước; gốm sứ trang trí đạt 1,38 triệu USD, tăng 170,8%; gốm sứ gia dụng đạt 557,5 nghìn USD, tăng 14,0%...

QUỐC TẾ:

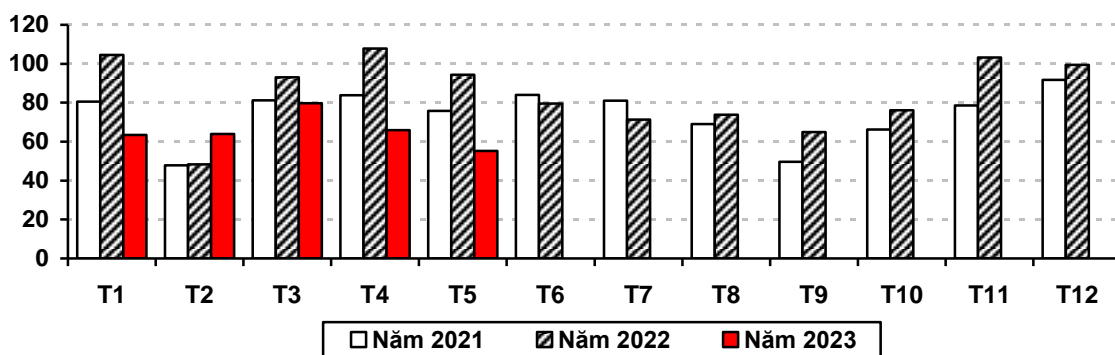
- **Trung Quốc:** Hiệp hội Nội thất Quốc gia Trung Quốc đã đưa ra thông báo 9 tiêu chuẩn nhóm bao gồm "Thông số kỹ thuật để đánh giá sản phẩm nội thất bằng gỗ có thiết kế xanh" đã được phê duyệt để phát hành, nhằm đảm bảo sự phát triển lành mạnh và bền vững của thiết kế và sản xuất xanh trong ngành nội thất từ cấp độ cơ bản. Trước đó, Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin Trung Quốc đã công bố Danh sách Sản xuất Xanh năm 2022 và 21 công ty trang trí nội thất đã được chọn. Ngành nội thất trở thành một trong những ngành phát triển nhanh nhất trong sản xuất xanh và đã thiết lập một hệ thống sản xuất xanh.
- **Malaysia:** Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Malaysia đã đạt 11,14 tỷ RM. Dựa trên các dự báo của Chính sách Nông nghiệp Quốc gia giai đoạn 2021-2030, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Malaysia (bao gồm cả đồ nội thất) dự kiến sẽ đạt 19 tỷ RM vào năm 2025.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới Hàn Quốc giảm

Ước tính, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới Hàn Quốc trong tháng 6/2023 đạt 55,1 triệu USD, giảm 42% so với tháng 6/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới thị trường Hàn Quốc ước tính đạt 380,4 triệu USD, giảm 30,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm, hoạt động trao đổi thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong nửa đầu năm 2023 cũng không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Gỗ và sản phẩm gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chính tới thị trường Hàn Quốc, nhưng kim ngạch xuất khẩu đã giảm mạnh do nhu cầu yếu từ thị trường.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Hàn Quốc trong 5 tháng đầu năm 2023, gỗ viên nén là mặt hàng xuất khẩu chính chiếm tỷ trọng cao, đạt 96,2 triệu USD, giảm 45% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là mặt hàng gỗ, ván và ván sàn đạt 95,7 triệu USD, giảm 27,9%; đồ nội thất bằng gỗ đạt 70,2 triệu USD, giảm 24,7%...

Đối với mặt hàng gỗ viên nén, nhu cầu nhập khẩu của Hàn Quốc vẫn ổn định. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 5 tháng đầu năm 2023, Hàn Quốc nhập khẩu gỗ viên nén đạt 1,55 triệu tấn, trị giá 276,8 triệu USD, giảm nhẹ 1,3% về lượng nhưng tăng 0,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Hàn Quốc giảm nhập khẩu từ thị trường cung cấp lớn nhất là Việt Nam, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ Nga, Indonesia, Canada, Thái Lan...

Đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, chịu tác động bởi tình hình kinh tế tăng trưởng chậm do xuất khẩu và đầu tư cơ sở vật chất yếu, khiến nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc giảm mạnh. Trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc đạt 124,4 nghìn tấn, trị giá 381,5 triệu USD, giảm 16,8% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các mặt hàng trong cơ cấu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ thị trường Hàn Quốc nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2023 đều giảm. Về cơ cấu thị trường, Trung Quốc và Việt Nam là 2 thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ chính cho Hàn Quốc, tuy nhiên lượng và trị giá nhập khẩu từ 2 thị trường này đều giảm mạnh trong 5 tháng đầu năm 2023.

Hàn Quốc là đối tác thương mại truyền thống, quan trọng và còn là thị trường xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đầy tiềm năng của các doanh nghiệp Việt Nam. Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tới thị trường này dự kiến sẽ tốt hơn trong nửa cuối năm 2023, khi lạm phát của Hàn Quốc đã giảm bớt. Tăng trưởng kinh tế tiếp tục chậm lại chủ yếu ở ngành sản xuất, nhưng thị trường việc làm mạnh cho thấy những rủi ro đã giảm bớt ở một mức độ nào đó, nhu cầu trong nước dần phục hồi. Bên cạnh đó, Chính phủ Hàn Quốc có kế hoạch nỗ lực toàn diện không chỉ để tái cơ cấu nền kinh tế mà còn thúc đẩy xuất khẩu, đầu tư và nhu cầu trong nước trong nửa cuối năm, đồng thời ổn định giá cả và sinh kế của hộ gia đình và quản lý rủi ro trong và ngoài nước tốt hơn. Nền kinh tế Trung Quốc mở cửa trở lại và sự lạc quan về

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

ngành công nghệ thông tin toàn cầu ngày càng đi lên dự kiến sẽ hỗ trợ cho nền kinh tế Hàn Quốc. Theo quy luật thị trường, nhu cầu tiêu thụ hàng hóa sẽ tăng cao vào dịp mua sắm cuối năm, là cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu một số mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh, trong đó có mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Do đó, các doanh nghiệp cần tận dụng cơ hội của thị trường trong những tháng cuối năm để bù đắp mức sụt giảm về xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2023. Cùng với đó, doanh nghiệp xuất khẩu cần tận dụng triệt để lợi thế từ lộ trình cắt giảm thuế quan của các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với Hàn Quốc (AKFTA, VKFTA, RCEP).

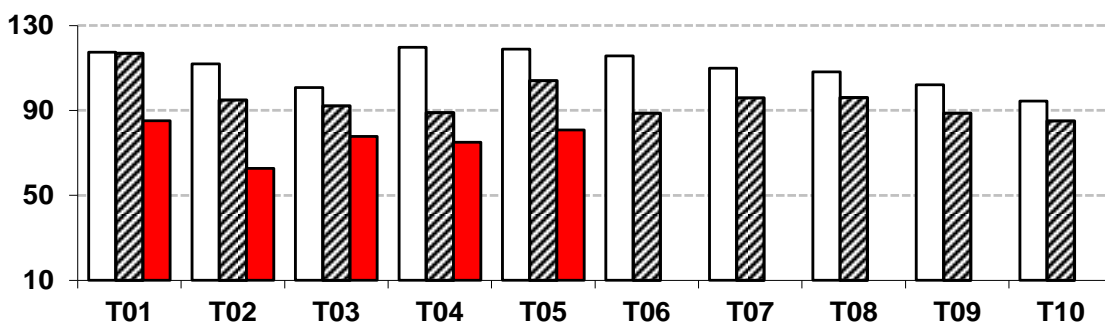
Tuy nhiên, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc vẫn gặp nhiều trở ngại, khi nền kinh tế Hàn Quốc vẫn đang phải đối phó với những bất ổn do các yếu tố bên ngoài gây ra, đặc biệt là chính sách thắt chặt tiền tệ toàn cầu và cuộc xung đột giữa Nga và Ucraina kéo dài.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 5/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2022 (%)	5 tháng đầu năm 2023 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	55.211	-41,1	325.312	-27,8	100,0	100,0
Gỗ viên nén	14.058	-66,0	96.181	-45,0	29,6	38,8
Gỗ, ván và ván sàn	20.978	-9,9	95.677	-27,9	29,4	29,4
Đồ nội thất bằng gỗ	12.554	-30,1	70.161	-24,7	21,6	20,7
Ghế khung gỗ	5.771	-21,9	28.345	-17,1	8,7	7,6
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	2.007	-44,2	16.654	-0,5	5,1	3,7
Đồ nội thất nhà bếp	2.051	-47,3	11.519	-41,7	3,5	4,4
Đồ nội thất phòng ngủ	2.149	-7,9	11.274	-40,5	3,5	4,2
Đồ nội thất văn phòng	576	-22,2	2.368	-32,0	0,7	0,8
Dăm gỗ	3.173	-57,5	41.025	27,7	12,6	7,1
Cửa gỗ	450	40,8	1.706	-2,9	0,5	0,4
Đồ gỗ mỹ nghệ	74	56,6	171	-24,0	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng nội thất bằng gỗ Hàn Quốc nhập khẩu trong 5 tháng năm 2023

Mã HS	Tên hàng	5 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
		Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng		124.419	381.472	-16,8	-23,3	100,0	100,0
940360	Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	32.321	81.474	-16,8	-24,2	26,0	26,0
940169 + 940161	Ghế khung gỗ	48.648	194.556	-10,2	-21,6	39,1	36,3
940350	Đồ nội thất phòng ngủ	21.900	43.788	-24,8	-35,1	17,6	19,5
940330	Đồ nội thất văn phòng	15.087	24.494	-21,1	-28,4	12,1	12,8
940340	Đồ nội thất nhà bếp	6.463	37.160	-21,2	-7,2	5,2	5,5

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường chính 5 tháng năm 2023

Thị trường	5 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	124.419	381.472	-16,8	-23,3	100,0	100,0
Trung Quốc	97.998	249.310	-10,9	-18,8	78,8	73,6
Việt Nam	17.422	51.722	-31,7	-35,7	14,0	17,1
EU	4.810	57.449	-18,5	-14,6	3,9	3,9
Đức	2.004	18.745	88,5	55,8	1,6	0,7
Italia	1.128	20.612	-43,2	-33,5	0,9	1,3
Ba Lan	605	3.119	-41,0	-21,7	0,5	0,7
Lítva	242	1.139	-55,2	-38,9	0,2	0,4
Rumani	171	1.751	-11,1	-1,2	0,1	0,1
Đan Mạch	148	3.064	-35,8	-31,7	0,1	0,2
Pháp	80	2.043	-36,5	-35,8	0,1	0,1
Slovakia	77	556	-52,9	-30,3	0,1	0,1
CH Séc	65	721	-37,8	10,8	0,1	0,1
Phần Lan	48	1.233	88,3	89,4	0,0	0,0
Slovenia	46	605	-26,6	2,2	0,0	0,0
Hà Lan	34	674	-42,9	-48,2	0,0	0,0
Tây Ban Nha	33	904	9,7	33,7	0,0	0,0
...						
Indonesia	1.811	7.370	-39,8	-45,9	1,5	2,0
Malaysia	1.061	3.615	-45,3	-48,2	0,9	1,3
Timor Leste	640	2.192	-56,6	-43,8	0,5	1,0
Mỹ	152	3.311	-60,4	-46,5	0,1	0,3
Đài Loan	92	630	-52,7	-52,6	0,1	0,1
Anh	88	665	-61,4	-42,5	0,1	0,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	5 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm 2022 (%)		Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Ấn Độ	74	566	-42,3	-20,8	0,1	0,1
San Marino	57	378	-84,6	-88,4	0,0	0,2
Na Uy	52	1.528	-36,9	-38,5	0,0	0,1
Nhật Bản	48	934	1,3	-13,0	0,0	0,0
Philipine	38	180	13,6	0,0	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	18	79	-23,3	-28,8	0,0	0,0
Bosnia và Herzegovina	15	344	-26,6	50,2	0,0	0,0
Singapore	13	542	337,9	470,5	0,0	0,0
Bănglăđet	13	85	-33,9	-26,1	0,0	0,0
Thụy Sĩ	5	353	-20,3	-32,8	0,0	0,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Thị trường cung cấp viên nén gỗ (HS 440131) cho Hàn Quốc 5 tháng năm 2023

Thị trường	5 tháng năm 2022			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	1.551.205	276.826	178,5	-1,3	0,3	1,7	100,0	100,0
Việt Nam	756.350	129.485	171,2	-25,6	-28,6	-4,0	48,8	64,7
Nga	260.228	46.759	179,7	197,1	192,3	-1,6	16,8	5,6
Indonesia	209.028	38.723	185,3	54,7	85,9	20,2	13,5	8,6
Canada	124.088	24.094	194,2	18,0	13,7	-3,6	8,0	6,7
Malaysia	99.868	18.103	181,3	-48,8	-41,8	13,6	6,4	12,4
Thái Lan	93.556	17.641	188,6	259,0	321,3	17,4	6,0	1,7
New Zealand	5.683	1.569	276,1	36,1	81,2	33,1	0,4	0,3
Đài Loan	1.017	203	199,7				0,1	0,0
Nhật Bản	1.013	109	107,6	20,6	13,5	-5,8	0,1	0,1
Braxin	194	56	288,7	-76,7	-64,6	51,9	0,0	0,1

Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt kim ngạch cao trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 5/2023 (Nghìn USD)	5 tháng năm 2023 (Nghìn USD)
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	1.913	18.410
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	0	12.235
CTY CỔ PHẦN SMART WOOD VIỆT NAM	1.989	10.215
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÙNG	2.075	9.175
CTY TNHH NĂNG LƯỢNG SINH HỌC TÍN NHÂN	3.373	9.049
CTY CỔ PHẦN EASTWOOD ENERGY	1.460	8.611
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	0	8.456

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

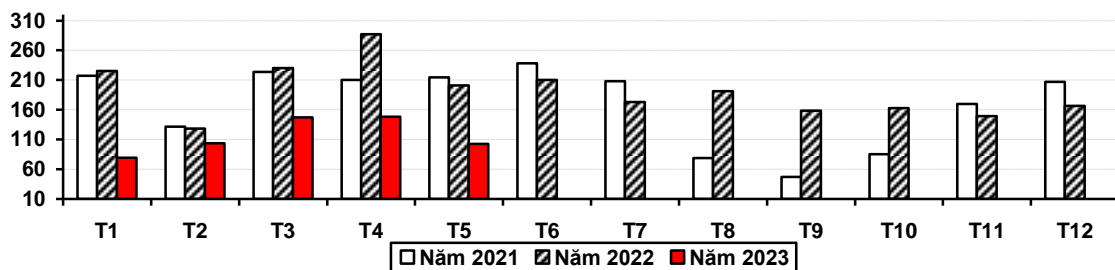
Doanh nghiệp xuất khẩu	Tháng 5/2023 (Nghìn USD)	5 tháng năm 2023 (Nghìn USD)
CTY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NĂNG LƯỢNG XANH TOÀN CẦU	743	7.305
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	0	6.730
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MI SA VIỆT HÀN	0	6.141
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	796	5.643
CTY TNHH NĂNG LƯỢNG AT	0	5.467
CTY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LONG ĐẠT	836	4.509
CTY TNHH XUẤT KHẨU UNI	736	4.279
CTY TNHH ĐẠI KHÔNG GIAN	704	4.220
CTY TNHH SEIL M - TECH VINA	990	4.174
CTY TNHH GỖ HƯNG VƯỢNG	675	3.870
CTY TNHH HANSOL HOMEDECO VIỆT NAM	1.338	3.738
CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYÊN LIỆU GIẤY QUẢNG NAM	0	3.691
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VẠN CHÍNH	593	3.553
CN THANH HÓA - CTY TNHH LIÊN DOANH NGUYÊN LIỆU GIẤY NGHỆ AN PP	0	3.385
CTY CỔ PHẦN SƠN THỦY	562	3.333
CTY TNHH KINH DOANH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU TRƯỜNG THỊNH	534	3.283
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN XUẤT KHẨU PISICO HUẾ	0	3.211
CTY TNHH FURSYS VN	381	3.171
CTY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG S.N.C	618	3.098
CTY CỔ PHẦN CÁT PHÚ QUẢNG NGÃI	3.066	3.066
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT HÙNG DŨNG HTH	480	2.824
CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XNK LÂM NGHIỆP HÀ GIANG	798	2.758

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tới Mỹ chiếm 79,1%

Theo số liệu thống kê sơ bộ, trong tháng 6/2023 xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 102,5 triệu USD, giảm 51,2% so với tháng 6/2022. Trong 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ đạt 684,4 triệu USD, giảm 46,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Tình hình xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam qua các tháng năm 2021 – 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Đồ nội thất phòng ngủ nằm trong nhóm hàng không thiết yếu và gặp khó khăn về thị trường xuất khẩu khi tổng cầu trên thế giới giảm. Kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu sang các thị trường chính đều giảm đáng kể. Triển vọng xuất khẩu ngành hàng này trong những tháng tới vẫn chưa có nhiều tín hiệu khả quan bởi tăng trưởng kinh tế của các đối tác lớn vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu chính, Mỹ luôn là thị trường xuất khẩu chủ lực đối với mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ. Do đó, thời gian tới, khi xuất khẩu tới Mỹ tăng trưởng khả quan sẽ góp phần thúc đẩy ngành hàng này phục hồi. Tín hiệu tích cực để thúc đẩy xuất khẩu mặt hàng này tới Mỹ là doanh số bán nhà ở Mỹ tăng trong tháng 5/2023, hàng tồn kho giảm và nhu cầu của người tiêu dùng tăng. Ngoài thị trường xuất khẩu chính, thị trường UAE được đánh giá là thị trường hết sức tiềm năng, mở ra cơ hội cho nhiều mặt hàng, trong đó có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam.

Về mặt hàng : 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ đều có xu hướng giảm. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng giường và bộ phận giường đạt 358,1 triệu USD, giảm 43,2% so với cùng kỳ năm 2022 ; tiếp theo là mặt hàng tủ đạt 127,9 triệu USD, giảm 55,1% ; tủ đầu giường đạt 48,7 triệu USD, giảm 43,1% ; bàn đạt 15,8 triệu USD, giảm 39,2%...

Mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ xuất khẩu tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 5/2023 (nghìn USD)	So với tháng 5/2022 (%)	5 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	102.586	-49,0	581.416	-45,7	100,0	100,0
Giường	80.305	-26,4	358.137	-43,2	61,6	58,8
Tủ	19	-100,0	127.864	-55,1	22,0	26,6
Tủ đầu giường	11.497	-29,2	48.697	-43,1	8,4	8,0
Bàn	2.973	-57,1	15.840	-39,2	2,7	2,4
Bàn trang điểm	2.377	-27,8	9.333	-37,0	1,6	1,4
Tủ áo	2.096	46,8	9.092	8,5	1,6	0,8
Nôi	1.670	-35,1	5.572	-49,7	1,0	1,0
Kệ	800	14,6	2.710	-14,6	0,5	0,3
Móc áo	337	-68,1	1.933	-52,5	0,3	0,4
Sập	125	-8,1	475	40,9	0,1	0,0
Rương	104	48,1	322	-27,1	0,1	0,0
Gương	15	-91,6	225	-84,1	0,0	0,1
Ghế	56	9,4	130	-51,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường: Đồ nội thất phòng ngủ chủ yếu xuất khẩu tới thị trường Mỹ. Trong 5 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu tới thị trường Mỹ chiếm 79,1% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ. Xuất khẩu sang Mỹ tăng trưởng tốt là động lực thúc đẩy ngành hàng này phục hồi trong nửa cuối năm 2023. Thông tin đáng chú ý, doanh số bán nhà ở Mỹ tăng trong tháng 5/2023, hàng tồn kho giảm và nhu cầu của người tiêu dùng tăng. Theo Hiệp hội các nhà xây dựng nhà quốc gia (NAHB), việc thiếu hàng tồn kho hiện có là một yếu tố góp phần vào sự gia tăng doanh số bán hàng này. Đây là thông tin tích cực góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm nội thất bằng gỗ, trong đó có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ tại Mỹ tăng

trong những tháng tới.

Ngoài ra, trong 5 tháng đầu năm 2023, mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ còn xuất khẩu tới một số thị trường khác nhưng kim ngạch chỉ chiếm tỷ trọng thấp như: Nhật Bản, Canada, Anh, EU...

Trong cơ cấu thị trường xuất khẩu, thị trường UAE được đánh giá là thị trường hết sức tiềm năng, mở ra cơ hội cho nhiều mặt hàng, trong đó có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam.

Ngành xây dựng và bất động sản đang gia tăng tại UAE đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhu cầu đối với các sản phẩm nội thất cao cấp hoàn thiện. Ngoài ra, các sáng kiến của chính phủ nhằm phát triển ngành du lịch và khách sạn, được ước tính đóng góp khoảng 12% GDP của quốc gia này cũng đóng một vai trò quan trọng trong thị trường đồ nội thất cao cấp của UAE trong thời gian tới. Các sản phẩm nhập khẩu là nguồn cung quan trọng trong thị trường đồ nội thất cao cấp của UAE.

Riêng với thị trường gỗ và đồ nội thất bằng gỗ, trong đó có mặt hàng đồ nội thất phòng ngủ tại UAE (bao gồm cả nhà sản xuất và nhà phân phối), hiện các nhà phân phối nhập khẩu sản phẩm từ các nước khác chiếm ưu thế trên thị trường. Về thị phần, các công ty trong khu vực cạnh tranh gay gắt thông qua đổi mới và sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong khu vực. Thị trường đồ nội thất cao cấp ở UAE đạt khoảng 3,72 tỷ USD vào năm 2022 và dự kiến sẽ tăng 4,09%/năm trong vòng 4 năm tới.

Đáng chú ý, UAE là trung tâm trung chuyển nhiều thị trường như châu Âu, Mỹ, Trung Đông, Iran, Ai Cập. Mặt khác, tại Dubai ít nhà máy sản xuất gỗ và sản phẩm gỗ, xu hướng chính là nhập khẩu. Ngoài xây dựng, tập quán tại UAE là khi thuê nhà sẽ thay toàn bộ nội thất, và khi trả phòng sẽ phải dọn đi hết, chỉ để lại phần thô. Đây là những thuận lợi cho ngành nội thất của Việt Nam xuất khẩu tới thị trường này. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng sẽ đối mặt với khó khăn, thách thức đó là chi phí sản xuất, logistic chưa tối ưu, công nghệ chưa phải là hiện đại nhất. Trong khi UAE là thị trường cạnh tranh khốc liệt cả về giá và chất lượng và đây cũng chính là thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Một thách thức nữa đó là các doanh nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp từ các đối thủ được hưởng ưu đãi khi xuất hàng vào UAE khi đã ký FTA như Ấn Độ, Indonesia, Israel và Thổ Nhĩ Kỳ... Do đó, các doanh nghiệp ngành công nghiệp đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam khi làm việc với khách hàng UAE cần kiên trì đàm phán. Bên cạnh đó, vẫn còn tình trạng lừa đảo trong các hoạt động giao thương, do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần lưu ý. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần phải áp dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong sản xuất, thay đổi phương thức quản lý, giảm thiểu các chi phí trung gian, nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của các sản phẩm. Ngoài ra, do UAE là quốc gia Hồi giáo, do đó, các doanh nghiệp Việt Nam cần tìm hiểu về văn hóa và nhu cầu tiêu dùng của người Hồi giáo khi xuất khẩu vào thị trường này.

Thị trường xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 5/2023 (nghìn USD)	So với tháng 5/2022 (%)	5 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	102.586	-49,0	581.416	-45,7	100,0	100,0
Mỹ	81.406	-50,3	460.027	-47,3	79,1	81,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 5/2023 (nghìn USD)	So với tháng 5/2022 (%)	5 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Nhật Bản	5.416	-19,0	34.856	-19,5	6,0	4,0
Canada	3.562	-38,5	18.490	-36,4	3,2	2,7
Anh	2.300	-41,1	13.613	-41,6	2,3	2,2
EU	2.502	-48,1	13.227	-43,6	2,3	2,2
Pháp	761	-49,2	4.208	-30,2	0,7	0,6
Hà Lan	675	-34,8	3.648	-21,2	0,6	0,4
Ai Len	447	-27,6	2.078	-36,7	0,4	0,3
Tây Ban Nha	424	2,5	1.254	-48,6	0,2	0,2
Bỉ	131	-71,0	913	-67,7	0,2	0,3
Đức	1	-99,8	415	-82,2	0,1	0,2
Thụy Điển	11	-94,9	231	-62,8	0,0	0,1
...						
Hàn Quốc	2.149	-7,9	11.274	-40,5	1,9	1,8
Australia	1.251	-65,1	8.251	-51,2	1,4	1,6
Trung Quốc	667	-33,2	2.730	-21,4	0,5	0,3
Đài Loan	319	-47,6	2.018	-36,0	0,3	0,3
Mexico	333	-52,9	1.402	-53,7	0,2	0,3
New Zealand	120	-80,6	1.364	-48,0	0,2	0,2
Ả Rập Xê út	214	-75,8	1.103	-64,0	0,2	0,3
Puerto Rico	210	-55,0	1.057	-64,8	0,2	0,3
UAE	344	-66,9	971	-75,2	0,2	0,4
Malaysia	44	-84,7	832	4,5	0,1	0,1
Ixraen	63	-64,9	813	20,5	0,1	0,1
Singapore	166	138,8	790	88,2	0,1	0,0
Chilê	80	-35,1	737	-46,1	0,1	0,1
Jamaica	46	-6,7	421	45,7	0,1	0,0
Nam Phi	49	-84,8	235	-77,2	0,0	0,1
Indonesia	22	-66,3	177	3,0	0,0	0,0
Kô-eot	21	-57,3	150	-31,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 27/6/2023 đến 4/7/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 27/6/2023 đến 4/7/2023, đạt 283,3 triệu USD, tăng 7,5% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 179,8 triệu USD, tăng 11,6% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 146,1 triệu USD, tăng 9% so với tuần trước; tiếp theo là Nhật Bản đạt 7,9 triệu USD, tăng 27%; Hàn Quốc đạt 4,3 triệu USD, tăng 33%; Canada đạt 3,9 triệu USD, tăng 76,3%; Anh đạt 3,1 triệu USD, giảm 14,1%...

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ MIRANDA 2 - 120 KB TW gỗ cao su, MDF QC:(1193x450x1948)mm	Bộ	10	143,0	Cát Lái
	Ghế sofa 400012997, 2305X1045X590mm, gỗ thông	Cái	8	932,0	Cát Lái
Đan Mạch	Bàn gỗ MDF phủ veneer với chân gỗ sồi , đồ nội thất sử dụng trong nhà ,140*80*H73.5 cm	Cái	10	132,7	Cái Mép
	Tủ gỗ MDF phủ veneer có kính đã gắn liền vào sản phẩm với chân và thân gỗ sồi 80*35*140 cm	Cái	20	114,3	Cái Mép
	Ghế sofa gỗ thông 101008008021 198*268*84cm	Bộ	1	638,3	Cát Lái
	Kệ trưng bày gỗ Sồi 470x49x400cm	Cái	1	1.191,0	Cát Lái
Đức	Kệ nhãn hiệu GARPA, 4768C (474.5x60x1800)mm,gỗ giá tỵ	Cái	18	230,5	Bà Rịa
	Ghế Adirondack kèm gác chân nhãn hiệu GARPA, 879382 quy cách: (775x405x330)mm ,gỗ giá tỵ	Cái	10	411,3	Bà Rịa
	Bàn Bar, 904084E (1108x700x852)mm ,gỗ giá tỵ	Cái	4	579,9	Bà Rịa
	Tủ ti vi phòng khách gỗ đồ Nam Phi (cao 2m45 x rộng 4m28)	Cái	2	385,0	Transimex
ả Rập Xê út	Giường gỗ cao su (2110x995x1024) mm - MWD1970N	Bộ	33	166,5	Cát Lái
	Bàn 715D-1, Size: 2400x1100x760MM. gỗ cao su, MDF	Cái	5	198,5	Cont Spitic
Achentina	Tủ (gỗ cao sui, MDF)(1474*457*1016)mm 3301-06-I	Cái	14	259,0	Cát Lái
	Bàn Modena bar 190x90x103 Cm màu light teak look (gỗ trầm)	Cái	12	218,5	Tiên Sa
Ai Len	Giường Gỗ Thông+Sồi (nhãn hiệu-COV2-QB01-OA)(2275X1660X260)mm	Cái	30	281,0	Cái Mép
	Bàn băng gỗ sồi,thông- AGH-BA18MR/V3P (1800-2300 x 1000 x 780) mm	Cái	10	310,6	Cái Mép
	Tủ gỗ sồi,thông- THF-DR6/V3A (1410 x 430 x 840)mm	Cái	30	232,7	Cái Mép
Andora	Giường Silver King Bed KT 2260*1900*1300 mm, dùng trong phòng ngủ, gỗ keo rừng trồng và tấm plywood dán gỗ lạng	Cái	24	167,2	Nam Định Vũ
	Kệ tivi Silver 3 ngăn kéo KT 2000*500*500 mm,gỗ keo rừng trồng và tấm plywood dán gỗ lạng	Cái	20	135,4	Nam Định Vũ
	Tủ Silver Sideboard KT 1900*450*800 mm, gỗ keo và tấm plywood dán gỗ lạng	Cái	10	181,1	Nam Định Vũ
	Bàn làm việc văn phòng, mã H814-54, gỗ thông và MDF, kích thước DxRxC = 66.54 x 35.04 x 8.66 inch	Cái	58	137,9	Cái Mép
Anh	Kệ -TRO-17 / QC: (550x420x580)mm (gỗ trầm vườn trồng)	Cái	6	194,9	Đồng Nai
	Giường gỗ sồi,thông JLM-QB05/V3P Không nhãn hiệu - QCSP:2152 x 1690 x 1300 mm	Cái	10	379,0	Cái Mép
	Ghế sofa đã bọc vải giả da có khung gỗ trầm, đã nhồi đệm, Item: AMX5005-3S (2216*1003*1003)mm.	Cái	3	251,0	Gemalink
	Tủ gỗ dán, dẻ gai, tần bì, ván lạng, MDF, đá nhân tạo SH568F846-01(1930x635x1098mm)	Cái	2	1.995,0	KV. TPHCM
Australia	Ghế ăn (770 *770 *730)mm ván ép, gỗ dẻ gai, có bọc nệm	Cái	5	1.825,7	Cát Lái
	Bàn Ăn (1660 *1660 *740)mm ván ép, gỗ sồi trắng, inox, mặt đá nhân tạo, dùng trong nhà bếp, hiệu AATN	Cái	1	3.702,8	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (224/45/80)cm 30U51386-V	Cái	3	803,2	Cont Spitic
	Giường Serene King Bed-Oak ,chi tiết chưa lắp ráp (2130x1950x905 mm) gỗ sồi	Cái	10	474,8	Cont Spitic
Bỉ	Ghế sofa gỗ thông 101008003394# 198*268*81cm	Bộ	1	646,2	Cát Lái
	Kệ để trên sàn (gỗ poplar, beech)10117283BKOK (710x508x2006)mm	Cái	2	619,7	Cát Lái
	Giường gỗ dán, dương, sồi, ván lạng, vải RH5713F127-31717-01(2241x2089x1219mm)	Cái	6	822,1	Cát Lái
	Bàn đôi thớt lớn gỗ trầm và gỗ cao su màu gỗ, (L: 1800-D:600-H900)mm	Cái	11	785,0	Gemalink
	Tủ sách 02 thân mẫu gỗ trầm và MDF màu đen, (L: 2030-D:500-H2400)mm .	Cái	1	1.564,0	Gemalink
Các TVQ ả Rập thống	Tủ 06 học#WH002061A-00(1441376) 863 x 1830 x 510)mm Ván MDF, gỗ Beech xẻ, gỗ OAK, ván ép	Cái	8	375,7	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
nhất	Giường Sensu 180059-4004-181-SKE gỗ sồi (W1910xD2285xH1000)/Sensu 180 bed - EUR King	Cái	2	280,0	Cont Spitic
	Kệ NELL 120 console gỗ sồi 077-2601 (W1200xD350xH750)	Cái	6	210,0	Cont Spitic
Canada	Bàn (2100x1000x775) mm, gỗ óc chó , MDF , veneer, , dùng trong phòng khách	Cái	18	462,0	Cái Mép
	Giường (1660x2175x975) mm, gỗ óc chó , MDF , veneer,	Cái	1	666,0	Cái Mép
	Kệ sách code: ATC-BKC-005, QC: (51.2 x 15.7 x 78.7) inch gỗ sồi + MDF veneer.	Cái	5	166,0	Cái Mép
	Tủ 9 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 9132-78-9 (ART0315) (1796 x 490 x 921)mm gỗ Oak, ván MDF, ván lạng gỗ sồi	Cái	18	519,0	Cái Mép
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm,80.KME.851.34N00.C111104 quy cách: 2250X870X760 MM	Cái	21	635,4	Đồng Nai
Chilê	Giường LN-1739CK (1920*2240*281)mm, gỗ Thông, gỗ cao su, vạt giường NK từ TQ	Cái	20	110,3	Cái Mép
	Bàn 240x102x77 cm gỗ sồi	Cái	18	225,0	Cát Lái
	GHẾ 51x54x102 cm gỗ trầm	Cái	70	94,0	Cát Lái
	Tủ 161x48,5x104 cm. Sp làm bằng gỗ sồi, mua tại việt nam. Hàng do cty sản xuất, mới 100%.	Cái	12	242,0	Cát Lái
Ấn Độ	Bàn ăn FD977-DT (78"x42"x30"H), nhãn hiệu FD977-DT, dùng trong nhà bếp, gỗ cao su	Cái	55	120,0	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ, bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	20	401,0	Cont Spitic
Gana	Tủ văn phòng JS2023102(9951-1500)gỗ thông, ván ép, ván dăm (P.B) sử dụng trong văn phòng, quy cách (1270*457*1068)mm.	Cái	13	194,3	Cái Mép
	JS2023110#&Bàn học (9951-6100) gỗ thông, ván ép, ván dăm (P.B), gỗ dương quy cách (1321*610*762)mm.	Cái	7	101,1	Cái Mép
Hà Lan	Bàn ăn M7701001, quy cách: (2200*1000*760)mm, gỗ cao su	Cái	22	214,0	Cái Mép
	Ghế dài M7707001, quy cách: (1800*400*450)mm, gỗ cao su	Cái	15	99,0	Cái Mép
	Giường gỗ Sồi nhập khẩu 2070 x 1490 x 1200 (mm)	Cái	25	150,1	Cái Mép
	Tủ dùng trong văn phòng gỗ Tràm có quy cách : 1680x400/450x2000mm	Cái	11	408,4	Cái Mép
Hàn Quốc	Giường Bed LK (07CASAMIA2023)BED LK(1720x2245x1105)mm, ván ép, gỗ cao su, gỗ walnut, veneer	Bộ	37	555,0	Cát Lái
	Tủ londa cabinet CAS0117-07-000-01.2 gỗ sycamore,gỗ sồi xẻ ,kích thước:800x475x1640mm.	Cái	6	918,3	Cát Lái
	Ghế CHL0005-07-651-02 sofa kulu gỗ sồi xẻ,gỗ beech ,chân gang, có nệm bọc da bò 2000x800x620mm	Cái	6	1.187,3	Cát Lái
	Bàn ăn vega gỗ sồi xẻ,gỗ beech ,chân gang kích thước:1800x900x745mm.	Cái	12	515,3	Cát Lái
Hồng Kông	Bàn gỗ óc chó-gỗ trầm WST-0842-1350X800 WCA ACW(1350x800x710) mm	Cái	10	213,6	Cát Lái
	Ghế gỗ óc chó WWF-1765-2.5P WCA/FBOW (1750x835x810) mm	Cái	5	489,3	Cát Lái
Indonesia	Bàn I26-303-1-32(66 x 34 1/4 x 31) Inch Gỗ cherry, sử dụng trong văn phòng	Cái	4	320,9	Cát Lái
	Tủ I26-316-1-24#& (66 x 24 x 31) Inch Gỗ cherry, sử dụng trong văn phòng	Cái	2	310,9	Cát Lái
Ixraen	Giường gỗ thông kết hợp MDF có bọc đệm 90x190 - sử dụng cho phòng ngủ- 46 ,KT (2010*964*1071) mm	Bộ	10	110,2	Cát Lái
	Bàn ăn 5761GY-78 (78"x42"x30"H), nhãn hiệu 5761GY-78, dùng trong nhà bếp gỗ trầm	Cái	5	113,8	Gemalink
Kô-eot	Bàn (gỗ beech, xà cừ) 499507-MAM -(1307x1307x514)mm	Cái	4	1.654,2	Cát Lái
	Tủ 499513-MAM - (gỗ sồi, poplar, xà cừ) (1056x615x1801)mm	Cái	1	2.961,8	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Ghế 500124-110L-BML-F005 - (có khung gỗ alder, poplar , beech, đã nhồi nệm) (2184x900x750)mm	Cái	1	3.031,9	Cát Lái
Kenya	Bàn ăn 1928-78NG (1981.2*965.2*774.7)mm, nhãn hiệu 1928-78NG, dùng trong nhà bếp gỗ cao su	Cái	15	132,2	Cát Lái
	Tủ dưới 5473-55, nhãn hiệu 5473-55 (1498.6*469.9*952.5)mm gỗ cao su	Cái	3	181,2	Cát Lái
Malaysia	Tủ (gỗ trầm bông vàng, sồi, beech) 000943-S5#&493126-SPC004 - (2000x561x2362)mm	Cái	1	8.321,7	Cát Lái
	Ghế (có khung gỗ trầm bông vàng, alder, đã nhồi nệm)014871-AA - (2420x1070x762)mm	Cái	1	5.559,7	Cát Lái
	Bàn (gỗ sồi, beech) CD3020 - (6096x1800x765)mm	Cái	1	25.352,1	Cát Lái
Mexico	Tủ 06 học#WE036062A-M0(519329) (852 x 1524 x 483)mm, (ván ép, gỗ OAK, ván gỗ poplar ghép,ván lạng, ván MDF, gỗ dương, Ván ép định hình, gỗ Beech	Cái	20	308,7	Cát Lái
	Tủ rụo#WE042192A-M0(2207265) (915 x 813 x 483)mm Ván MDF, ván lạng, Gỗ OAK xẻ, Gỗ Eucalyptus xẻ, gỗ Beech xẻ, gỗ dương xẻ, gỗ Beech xẻ	Cái	30	205,2	Cát Lái
	Bàn Cemboard, TC-CTM340gỗ keo, Mặt bàn Sơn màu xám xi măng, chân bàn màu xám nâu giả cổ, KT: 240x100x75 cm	Cái	44	262,2	Lạch Huyện
	Ghế dài Cemboard, TC-IC0096 gỗ keo, Mặt ghế Sơn màu xám xi măng, chân ghế màu xám nâu giả cổ, KT: 200x40x45 cm	Cái	50	136,8	Lạch Huyện
Mỹ	Bàn gỗ oak, poplar (gỗ nhập khẩu), veneer, 1372x2438x762 (mm)	Cái	3	2.740,0	Phước Long
	Kệ gỗ cao su, gỗ sồi, plywood, mdf, veneer (54 x 24 x 85)"	Cái	1	4.255,0	Gemalink
	Giường gỗ dán, dương, sồi, MDF, da (2261x2172x1219mm)	Cái	1	2.779,1	Long Bình
	Ghế UPG-04 Custom Linear Baquettes- NO1 (642x161x99)cm, gỗ Oak, vải bọc nệm	Cái	1	5.500,0	Cái Mép
Nam Phi	Bàn được gỗ sồi nhập khẩu có quy cách : 3080 * 1180* 170 mm	Cái	26	437,9	Cát Lái
	Giường dùng trong phòng ngủ gỗ Cao Su 1700x2180x1950 mm Nhãn hiệu BOGARD -4.	Cái	87	231,0	Cát Lái
	Tủ được gỗ sồi GREYTON-5/23 quy cách : 2040 * 530 * 885 mm	Cái	38	320,5	Cát Lái
New Zealand	Kệ gỗ sồi (104/30/219) cm 30U50771-V	Cái	6	477,8	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (165/45/78)cm 30U51115-V	Cái	1	744,7	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (110/45/178)cm 32N51470-V	Cái	2	794,3	Cát Lái
	Ghế gỗ thông (W900xD800xH690)	Cái	12	759,0	Cát Lái
	Giường - LINCOLN NZ King Bed -521457-01-01 , QC: (2174x1810x1500mm). gỗ Tràm+MDF	Cái	19	289,2	Cát Lái
Nhật Bản	Tủ thờ Takata 30 S-gata becchuu 1025x770x1740mm gỗ Thông,ván ép,MDF	Bộ	1	4.134,7	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (W1520xD345xH1350)/Humla 152 tall shelf	Cái	3	298,0	Cát Lái
	Ghế sofa Pensive 200 solid oak frame - Fixed - Range L1 làm từ gỗ sồi (W2000xD880xH780)	Cái	1	555,0	Cát Lái
	Giường tầng gỗ cao su và ván ép (1027x2180x950)mm	Cái	27	249,5	Cát Lái
	Kệ gỗ óc chó, MDF 0028983 QCSP: (1600 x 300 x 905)mm	Cái	10	161,8	Cát Lái
Oman	Giường gỗ sồi NOVA-KB05drw/PA(1820 x 2020) , QCSP: (2135 x 1970 x 1422)mm	Cái	8	255,2	Cont Spitc
	Tủ gỗ sồi LEO-DR6/PA , QCSP: (1350 x 420 x 780)mm	Cái	8	171,5	Cont Spitc
Papua New Guinea	Giường gỗ thông - Orlando King Bed, Item code: 1106. KT: 2050x1850x1400mm.	Bộ	6	194,0	Cát Lái
	Bàn gỗ thông. Item code: 1151. KT: 2400x1200x770mm.	Cái	6	166,0	Cát Lái
	Kệ sách gỗ thông - Orlando Bookcase 1030 4 drawers with shelves. Item code: 1163. KT: 1040x340x1965mm.	Cái	10	116,3	Cát Lái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Tủ bếp gỗ thông. Item code: 1142. KT: 1645x465x875mm.	Cái	6	132,0	Cát Lái
Pháp	Kệ sách gỗ sồi (1120x300x1950)mm,mã hiệu 140804	Cái	40	166,3	Cát Lái
	Bàn trònY6TO - gỗ thông & MDF, kích thước (205x140x77)cm	Cái	6	588,6	Gemalink
	Giường A326 - gỗ tần bì, gỗ thông, MDF & ván ép, (188.5x215.5x100)cm	Cái	6	584,8	Gemalink
	Tủ A544 - gỗ thông & MDF, kích thước (92.5x45x215.5)cm	Cái	1	793,4	Gemalink
Singapore	Tủ bếp Gỗ vân sam, gỗ sồi, gỗ dán KT:4675x630x2400 mm	Bộ	1	1.879,0	Nam Định Vũ
	Bàn phòng khách Gỗ óc chó, gỗ dán Mã code:21506.CG-602,KT:900x600x350mm	Cái	16	7.835,0	Nam Định Vũ
	Ghế phòng ăn gỗ óc chó, gỗ dán, KT:650x680x820 mm	Cái	1	1.389,0	Nam Định Vũ
Tây Ban Nha	Bàn ăn - LENNAN EXT TABLE 160/210 1600/2100(W) x 900(D) x 770(H), đồ gỗ nội thất gỗ Birch, MDF	Cái	20	136,8	QT SP-SSA(SSIT)
	Tủ đựng chén - VINTI VITRINE 2DRS 1000(W) x 420(D) x 1700(H), đồ gỗ nội thất dùng trong phòng khách dùng dụng ly , chén. làm từ gỗ Birch, MDF	Cái	20	216,8	QT SP-SSA(SSIT)
	Tủ đựng quần áo - NEOLM CHEST 3DRWS 900(W) x 420(D) x 800(H), đồ gỗ nội thất dùng trong phòng ngủ gỗ Birch, MDF	Cái	20	76,4	QT SP-SSA(SSIT)
	Giường tắm nắng gỗ keo, KT:200x72x16cm	Cái	86	71,4	Tiên Sa
Trung Quốc	Bàn ăn T-leg gỗ sồi xẻ ,chân gang,kích thước:2400x950x745mm.	Cái	10	771,1	Cát Lái
	Ghế sofa Argo gỗ sồi xẻ,gỗ beech ,có nệm bọc vải,kích thước:2300x918x665mm.	Cái	5	1.048,4	Cát Lái
	Tủ Kulu dresser lớn 2 cửa 3 hộc kéo gỗ sycamore,gỗ sồi xẻ,gỗ beech ,chân gang,kích thước:1000x450x1950mm.	Cái	5	953,7	Cát Lái

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Nhập khẩu gỗ sồi từ Mỹ chiếm tỷ trọng lớn nhất

+ Nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam từ thị trường Mỹ lớn nhất, chiếm tới 74,3% tổng lượng nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2023, đạt 78,8 nghìn m³, trị giá 42,9 triệu USD, tăng 36,4% về lượng và tăng 9,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

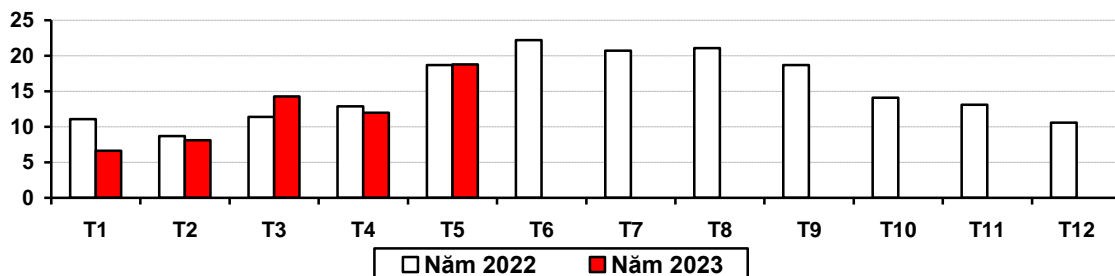
Tình hình nhập khẩu gỗ sồi 6 tháng đầu năm 2023

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 6/2023 đạt 35,8 nghìn m³, trị giá 19,7 triệu USD, tăng 5,9% về lượng và tăng 5,0% về trị giá so với tháng 5/2023; so với tháng 6/2022 tăng 11,9% về lượng nhưng giảm 11,4% về trị giá.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ sồi đạt 140,2 nghìn m³, trị giá 78,5 triệu USD, tăng 5,6% về lượng nhưng giảm 7,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trị giá nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2022 – 2023

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ sồi của Việt Nam tháng 5/2023 đạt 33,8 nghìn m³, trị giá 18,8 triệu USD, tăng 64,8% về lượng và tăng 56,6% về trị giá so với tháng 4/2023; so với tháng 5/2022 tăng 27,7% về lượng và tăng 0,4% về trị giá.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ sồi đạt 106,1 nghìn m³, trị giá 59,7 triệu USD, tăng 7,3% về lượng nhưng giảm 6,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

+ Về chủng loại nhập khẩu:

5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ sồi loại xẻ đạt khối lượng 65,19 nghìn m³, trị giá 38,26 triệu USD, tăng 102,4% về lượng và tăng 85,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ sồi tròn đạt 40,89 nghìn m³, trị giá 21,48 triệu USD, tăng 116,0% về lượng và tăng 111,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Chủng loại gỗ sồi nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	5 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	65.186	38.256	586,9	102,4	85,2	83,2
Gỗ tròn	40.890	21.478	525,3	116,0	111,4	96,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, giá nhập khẩu trung bình gỗ sồi 5 tháng đầu năm 2023 đạt 563,1 USD/m³, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ sồi từ Mỹ đạt 543,7 USD/m³, giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2022; từ Canada giảm 17,0%, xuống còn 654,5 USD/m³; từ Anh giảm 9,9%, xuống 700,8 USD/m³. Trái lại, giá nhập khẩu gỗ sồi từ EU tăng 4,0% so với cùng kỳ năm 2022, lên mức 623,4 USD/m³.

+ Về thị trường nhập khẩu:

5 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường Mỹ, Canada, Trung Quốc, Đài Loan... tăng so với cùng kỳ năm 2022, trong khi đó, nhập khẩu từ thị trường EU, Anh giảm. Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường Mỹ lớn nhất, chiếm tới 74,3% tổng lượng nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2023, đạt 78,8 nghìn m³, trị giá 42,9 triệu USD, tăng 36,4% về lượng và tăng 9,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu mặt hàng này từ thị trường Canada tăng 82,5% về lượng và tăng 51,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 1,3 nghìn m³, trị giá 833 nghìn USD.

Trái lại, nhập khẩu gỗ sồi từ thị trường EU giảm 36,5% về lượng và giảm 34,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 24,5 nghìn tấn, trị giá 15,3 triệu USD, chiếm 23,1% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ sồi từ Anh giảm 36,0% về lượng và giảm 42,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 82 tấn, trị giá 58 nghìn USD.

Thị trường cung cấp gỗ sồi cho Việt Nam 5 tháng đầu năm 2023

Thị trường	5 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	5 tháng năm 2023	5 tháng năm 2022
Tổng	106.076	59.734	563,1	7,3	-6,9	-13,3	100,0	100,0
Mỹ	78.845	42.870	543,7	36,4	9,4	-19,8	74,3	58,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

EU	24.503	15.276	623,4	-36,5	-34,0	4,0	23,1	39,0
Croatia	6.527	4.211	645,1	-33,7	-34,3	-0,8	6,2	10,0
Pháp	6.325	3.968	627,4	-22,3	-22,1	0,2	6,0	8,2
Bỉ	3.460	1.873	541,1	-36,0	-32,5	5,5	3,3	5,5
Slovenia	3.118	1.931	619,3	-50,9	-47,9	6,0	2,9	6,4
Hà Lan	2.076	1.072	516,3	-16,4	-28,0	-13,8	2,0	2,5
Đức	1.368	1.142	834,5	-60,0	-42,4	43,9	1,3	3,5
Ai Len	603	370	614,5	-38,4	-22,0	26,7	0,6	1,0
Italia	350	206	589,5	-73,4	-72,6	3,2	0,3	1,3
Ba Lan	259	142	548,6	9,9	33,0	21,0	0,2	0,2
Áo	169	169	995,9	51,8	130,9	52,1	0,2	0,1
Hunggary	135	74	552,1				0,1	0,0
Rumani	109	115	1056,6	-61,7	-45,0	43,8	0,1	0,3
Canada	1.272	833	654,5	82,5	51,4	-17,0	1,2	0,7
Trung Quốc	379	92	242,2	1.240,2	239,9	-74,6	0,4	0,0
Đài Loan	186	107	574,7	184,1	57,4	-44,6	0,2	0,1
Nhật Bản	152	109	720,7				0,1	0,0
Hồng Kông	95	64	671,5				0,1	0,0
Anh	82	58	700,8	-36,0	-42,3	-9,9	0,1	0,1
Australia	56	14	257,0	52,8	-52,4	-68,9	0,1	0,0
Belize	37	11	300,0				0,0	0,0
Hàn Quốc	32	26	839,1	4,9	-13,8	-17,8	0,0	0,0
Anguylar	28	18	635,9				0,0	0,0
Malaysia	17	23	1308,1				0,0	0,0
PN. Guinea	4	1	150,0				0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

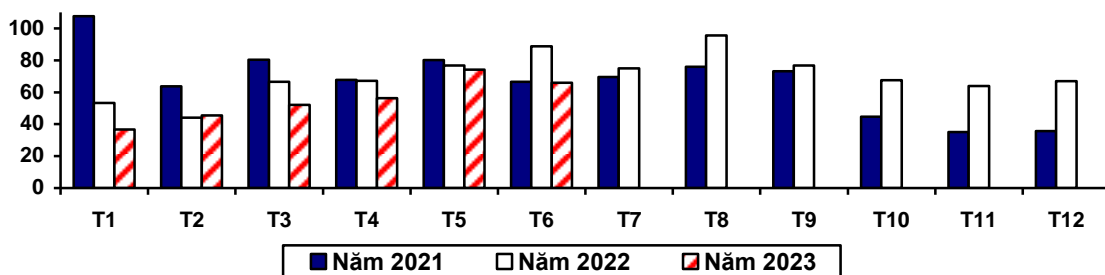
Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU tăng trở lại

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU về Việt Nam trong tháng 5/2023 có tháng thứ tư liên tiếp tăng, đạt 74,12 nghìn tấn, trị giá 22,875 triệu USD, tăng 31,7% về lượng và tăng 32,0% về trị giá so với tháng 4/2023; giảm 3,5% về lượng và giảm 15,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU đạt 264,73 nghìn tấn, trị giá 81,03 triệu USD, giảm 14,0% về lượng và giảm 19,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU về Việt Nam trong tháng 6/2023 giảm trở lại, đạt 66,0 nghìn m³, trị giá 21,0 triệu USD, giảm 11,0% về lượng và giảm 8,2% về trị giá so với tháng 5/2023; nâng tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ EU trong nửa đầu năm 2023 đạt 330,71 nghìn m³, trị giá 102,03 triệu USD, giảm 16,6% về lượng và giảm 22,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ trong nửa cuối năm 2023 sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do khan hiếm đơn hàng, cạn kiệt dòng tiền, đối mặt với các rào cản thương mại từ Mỹ và xuất hiện rào cản mới của thị trường EU... Điều này dẫn đến nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu sẽ giảm. Dự báo, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam nói chung và từ thị trường EU nói riêng trong thời gian tới tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ EU (nghìn m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 6/2023

Về chủng loại gỗ nhập khẩu:

- Gỗ tròn: Tháng 5/2023, nhập khẩu gỗ tròn từ EU về Việt Nam tiếp tục tăng mạnh, đạt 57,60 nghìn tấn, trị giá 15,72 triệu USD, tăng 38,8% về lượng và tăng 47,9% về trị giá so với tháng 4/2023; tăng 31,8% về lượng và tăng 28,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ tròn từ EU đạt 196,64 nghìn tấn, trị giá 51,86 triệu USD, tăng 8,9% về lượng và tăng 15,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn từ EU về Việt Nam trong tháng 5/2023 ở mức 270 USD/m³, tăng 6,5% so với tháng 4/2023, nhưng giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ tròn từ EU ở mức 264 USD/m³, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, giá nhập khẩu trung bình gỗ tần bì tăng 11,7%, gỗ sồi giảm 2,8%.

Gỗ tròn nhập khẩu từ EU về Việt Nam chủ yếu là gỗ tần bì, chiếm khoảng 90% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường này. Tháng 5/2023, nhập khẩu gỗ tần bì tròn từ EU tăng mạnh so với tháng 4/2023 và tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ tần bì tròn từ EU đạt 170,77 nghìn tấn, trị giá 41,88 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 28,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

- Gỗ xẻ: Nhập khẩu gỗ xẻ từ EU về Việt Nam trong tháng 5/2023 đạt 16,19 nghìn tấn, trị giá 6,91 triệu USD, tăng 10,7% về lượng và tăng 3,9% về trị giá so với tháng 4/2023; giảm 43,8% về lượng và giảm 49,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ xẻ từ EU đạt 66,71 nghìn tấn, trị giá 28,14 triệu USD, giảm 39,8% về lượng và giảm 44,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Giá nhập khẩu trung bình các chủng loại gỗ xẻ từ EU về Việt Nam trong tháng 5/2023 ở mức 427 USD/m³, giảm 6,1% so với tháng 4/2023 và giảm 10,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu trung bình gỗ xẻ từ EU ở mức 422 USD/m³, giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó, giá nhập khẩu trung bình gỗ vân sam, gỗ thông giảm mạnh. Ngược lại, giá nhập khẩu trung bình các chủng loại gỗ xẻ: dẻ gai, sồi, tần bì tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Một số chủng loại gỗ nhập khẩu từ EU tháng 5/2023 và 5 tháng đầu năm 2023

(Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 5/2023		So với tháng 4/2023 (%)		So với tháng 5/2022 (%)		5 tháng đầu năm 2023		So với 5 tháng năm 2022 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		74.116	22.875	31,7	32,0	-3,5	-15,7	264.721	81.033	-14,0	-19,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Chủng loại	Tháng 5/2023		So với tháng 4/2023 (%)		So với tháng 5/2022 (%)		5 tháng đầu năm 2023		So với 5 tháng năm 2022 (%)	
		Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Gỗ tròn	Tần bì	52.556	13.171	37,6	42,5	53,9	68,8	170.767	41.880	15,2	28,7
	Sồi	3.468	1.906	85,9	100,3	-34,2	-41,8	13.341	6.872	-12,0	-14,5
	Dương	199	35	-56,9	-57,4	-58,8	-73,6	3.333	627	-13,9	-20,3
	Lim	0	0	-	-	-100,0	-100,0	615	252	-82,0	-80,8
	Dẻ gai	98	29	110,7	91,2	-55,5	-68,1	541	146	-71,6	-73,7
	Bạch đàn	0	0	-100,0	-100,0	-100,0	-100,0	445	84	242,5	252,7
	Bồ kết	121	35	-	-	-	-	349	103	-	-
	Teak	305	213	-	-	-	-	305	213	-	-
	Cẩm	0	0	-	-	-	-	101	51	-	-
Tổng	57.602	15.572	38,8	47,9	31,8	28,4	196.638	51.858	8,9	15,3	
Gỗ xẻ	Vân sam	2.462	657	19,4	17,8	-50,4	-66,4	13.685	3.699	-43,9	-57,3
	Thông	2.189	570	11,4	20,9	-70,2	-77,3	11.841	2.892	-52,8	-67,3
	Sồi	2.664	1.974	-27,7	-24,3	-61,8	-56,0	11.162	8.404	-52,4	-44,4
	Linh sam	3.620	1.052	20,8	9,8	994,9	865,9	10.351	3.166	126,9	115,2
	Dẻ gai	2.246	1.167	27,2	23,6	-55,5	-53,3	9.544	4.997	-46,7	-44,0
	Tần bì	1.457	732	1,1	-5,4	-8,3	-3,9	5.087	2.602	26,8	36,1
	Dương	1.192	573	210,6	257,9	6,5	34,7	2.746	1.177	-57,0	-52,6
	Phong	150	78	-22,9	-26,2	-	-	908	461	144,3	237,4
	Đoạn xẻ	123	57	-	-	-	-	537	257	-	-
	Thích	56	34	-56,6	-53,1	-53,6	-57,9	390	243	-2,0	-21,8
	Sam	0	0	-	-	-	-	87	22	-	-
Tổng	16.189	6.910	10,7	3,9	-43,8	-49,4	66.712	28.137	-39,8	-44,0	
Ván bóc, lạng	231	365	27,7	135,0	-94,6	-72,7	1.192	972	-92,7	-82,0	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường cung cấp

Tháng 5/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ hầu hết các thị trường EU đều tăng so với tháng 4/2023 và tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, Bỉ là thị trường thuộc EU cung cấp nhiều nhất gỗ nguyên liệu cho Việt Nam, đạt 92,01 nghìn tấn, trị giá 23,18 triệu USD, tăng 9,3% về lượng và tăng 12,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường Pháp, Hà Lan, Thụy Điển cũng tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Ngược lại, 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường Đức, Croatia, Phần Lan, Slovenia, Đan Mạch, Ba Lan... giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường EU tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2023

(Lượng: m³; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 5/2023		So với tháng 4/2023 (%)		So với tháng 5/2022 (%)		5 tháng đầu năm 2023		So với 5 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	74.116	22.875	31,7	32,0	-3,5	-15,7	264.721	81.033	-14,0	-19,5
Bỉ	25.857	6.608	35,6	34,1	30,4	26,4	92.010	23.182	9,3	12,1
Pháp	14.124	4.462	15,5	22,3	18,8	11,8	56.097	16.995	21,1	20,2
Đức	8.682	2.728	46,0	62,3	-26,4	-35,9	29.140	8.674	-35,1	-39,6
Hà Lan	7.562	1.992	63,7	78,7	62,0	37,0	21.696	6.308	23,6	11,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 5/2023		So với tháng 4/2023 (%)		So với tháng 5/2022 (%)		5 tháng đầu năm 2023		So với 5 tháng năm 2022 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Thụy Điển	3.415	829	-1,8	3,4	181,7	115,4	14.398	3.240	34,9	-3,1
Croatia	3.056	1.858	-24,8	-24,4	-23,3	-24,1	11.868	7.153	-22,6	-23,0
Phần Lan	1.948	538	43,3	33,4	-74,7	-81,3	10.552	3.034	-55,1	-65,1
Slovenia	2.667	997	38,9	2,9	-28,5	-52,6	8.522	4.050	-29,9	-33,0
Đan Mạch	1.688	477	102,7	101,6	21,6	-11,1	4.458	1.322	-6,7	-13,8
Ba Lan	1.530	520	95,0	79,9	115,5	165,3	3.884	1.414	-14,7	8,2
Rumani	811	453	80,4	99,7	229,0	195,9	2.959	1.633	20,8	33,6
Italia	705	408	346,9	454,9	-59,8	-53,3	2.787	1.256	-63,6	-62,9
Estonia	810	264	18,0	22,4	-37,3	-41,6	2.279	757	-55,9	-57,6
Látvia	529	391	47,6	102,7	-89,5	-74,7	2.022	1.065	-90,2	-83,0
Ai Len	395	242	603,6	432,7	-55,1	-36,9	832	481	-68,7	-56,7
Áo	54	34	-80,7	-31,9	-71,6	-56,7	659	261	-33,4	-39,2
Lítva	157	49	-	-	-48,5	-51,5	157	49	-92,4	-93,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao từ thị trường EU trong 5 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp nhập khẩu	5 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2022 (%)
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VIỆT NAM)	6.079	-42,1
CTY TNHH GỖ ZHONG LONG VIỆT NAM	4.957	-
CHI NHÁNH CTY TNHH ĐẦU TƯ QUẢN LÝ TRIỆU VƯỢNG VIỆT NAM	4.626	-
CTY TNHH GỖ SEN TONG	4.100	-
CTY TNHH YANGTZE RIVER WOODS	3.942	144,4
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP VIỆT PHÁT VIỆT NAM	3.316	56,6
CTY CỔ PHẦN TÂN VINH CỬU	3.148	8,1
CTY TNHH SẢN XUẤT GỖ QUANG LỢI	2.044	31,1
CTY TNHH VENEER ÂU VIỆT	2.015	-46,0
CTY TNHH VĂN HÓA PHẨM PHƯỢNG HOÀNG VIỆT NAM	1.661	-
CTY TNHH XNK GỖ TRUNG LÂM	1.578	-21,8
CTY TNHH RI TA VÕ	1.329	140,0
CTY TNHH SẢN XUẤT GỖ RICH	1.317	-
CTY TNHH KAMI ZAWA KOUGEI VIỆT NAM	1.288	-
CTY TNHH GỖ PHƯỢNG ĐÔNG	1.265	-37,4
CTY TNHH VIỄN LÂM	1.229	-50,2
CTY TNHH XNK GỖ AN LẠC	1.165	43,9
CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT SAO NAM	1.162	-40,2
CTY TNHH SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI NGỌC HẰNG	1.085	45,8
CTY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ TƯ VẤN OPEXCO	1.049	-
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM - CN BÀ RỊA - VŨNG TÀU	1.017	-65,5
CTY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG	1.001	41,1
CTY TNHH NỘI NGOẠI THẤT GIA HÂN	886	1.387,7
CTY TNHH ĐỒ GỖ BÌNH DƯƠNG	883	11,2
CTY CỔ PHẦN GỖ VIỆT ÂU MỸ	837	-0,1
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	814	-
CTY TNHH NỘI THẤT MỀ KÔNG.	794	-12,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp nhập khẩu	5 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2022 (%)
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - DU LỊCH THĂNG LONG	717	-48,2
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ KHẢI TUYẾN	672	-
CTY CỔ PHẦN PHONG CÁCH ÂU CHÂU	659	16,4

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023

Trong tuần từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 49,2 triệu USD, tăng 30,1% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 20,5%; Thái Lan tăng 103,8%; Lào tăng 139,8%; Pháp tăng 101,7%; Chile tăng 62,2%; Braxin tăng 40,7%... so với tuần trước.

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 3,7%; Bỉ giảm 55,8%; Cameroon giảm 48,1%; Nga giảm 37,9%; Phần Lan giảm 0,8% ...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023 (ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	Tuần từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023	So với tuần trước (%)
Tổng	49.176	30,1
Trung Quốc	11.213	-3,7
Mỹ	5.125	20,5
Thái Lan	2.981	103,8
Papua New Guinea	2.835	
Lào	2.818	139,8
Hồng Kông	2.413	
Pháp	2.410	101,7
Chile	2.255	62,2
Bỉ	1.484	-55,8
Braxin	1.453	40,7
Malaysia	1.318	319,0
Cameroon	1.216	-48,1
Đức	1.156	12,8
Nga	818	-37,9
New Zealand	805	11,3
Indonesia	706	64,7
Singapore	695	3.607,2
Gabông	652	678,9
Hà Lan	631	29,7
Croatia	461	331,4
Suriname	433	62,6
Đài Loan	374	202,1
Nhật Bản	317	198,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 27/6/2023 đến 04/7/2023

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ óc chó xẻ dày 4/4 inch. dài từ 7-12 feet. rộng 8-20 inch	33	492,9	Mỹ	Hải Phòng	CIF
Gỗ óc chó xẻ sậy dày 26 mm, dài 1,830-4,880 mm	29	889,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó xẻ sậy dày 8/4 inch, dài 6 feet, rộng 3 inch	34	1.250,0	Canada	Đình Vũ	CIF
Gỗ anh đào xẻ, dài từ 6-16 feet, rộng từ 3 inches, dày 25.4mm	36	415,0	Mỹ	Quy Nhơn	CIF
Gỗ bằng lăng xẻ dày trên 6 mm	108	280,0	Lào	Quảng Nam	DAF
Gỗ bạch dương xẻ (KT: 2000*70-200*35MM)	5	669,7	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ (28 X 60 X 285) MM	41	670,0	Indonesia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ (32MMX58MMX1.0M)	52	246,4	Malaysia	Cát Lái	C&F
Gỗ cao su xẻ 18mm x (53-77) mm x (1100-1300) mm	38	170,0	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ dày 22mm, rộng 10cm, dài 2m	35	394,8	Croatia	Quy Nhơn	CIF
Gỗ dương xẻ, đk từ 30cm, dài: (2.8-3) m	68	297,8	Látvia	Đình Vũ	CFR
Gỗ dổi (36 x12 x170) cm	68	280,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ dẻ gai xẻ sậy, dày:38mm, dài:2,5m-3m, rộng:10cm-40cm	33	482,1	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ đẽo vuông thô dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	40	242,0	Nigeria	Cát Lái	CFR
Gỗ gỗ dày: từ 40cm, rộng: từ 50 cm, dài: từ 211 cm	22	227,3	E.Guinea	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ, dài 1.5m - 5.7m, rộng: 26cm - 167cm, dày: 28cm - 167cm	182	330,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ xẻ, dài từ 270cm, rộng 20cm, dày 15cm	22	227,3	Xiera Lêôn	Đình Vũ	C&F
Gỗ gỗ xẻ, dài: 1.9m - 5.8m, rộng: 24cm - 86cm, dày: 26cm - 103cm	89	310,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ hương đá xẻ dài (180-200) cm, rộng (30-40) cm, dày 15-20) cm	20	200,0	Nambia	Hải Phòng	CFR
Gỗ hương kt: (12 x 40 x 250) cm	25	220,0	Nam Phi	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ dài 1.8m, rộng: 15cm, dày:15cm	160	250,0	Ăngôla	Đình Vũ	C&F
Gỗ hương xẻ dày từ 4-20 cm, rộng từ 27-75 cm, dài từ 170-220 cm	25	500,0	Thái Lan	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ, dày: 10cm-67cm; rộng: 34cm-72cm; dài: 1,9m-3,3m	40	320,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ hoàng dương xẻ (Poplar) (32mm*125-169mm*2.1-4.8m)	38	275,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lát hoa xẻ dày trên 6 mm	8	300,1	Lào	Quảng Nam	DAF
Gỗ lim đẽo vuông thô dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	24	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xẻ, dài: 0.8-1.6M, rộng: 5.8cm, dày: 5.8cm	14	428,5	Cônggô	Hải Phòng	FOB
Gỗ linh sam dày: 38 mm, rộng: 150 mm, dài: 3.6- 4.2 m	100	249,6	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ mít dạng tròn đk 0.32 m - 1.44m, dài từ 1m - 8.6m	30	110,0	Campuchia	Tây Ninh	DAF
Gỗ sồi tròn đk từ 13 cm, dài 8m-10m	21	730,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi đỏ tròn, dài 3m, đk 30-39cm	26	224,9	Bỉ	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi đỏ xẻ (26mm*121-187mm*2.2-4.8m)	29	485,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 25 x (76 - 457) x (2134 - 4267) mm	26	440,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ sậy (22 x 100-500 x 1100 - 4500) mm	21	589,1	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì khúc tròn dài 3 m, đk 20cm	213	163,3	Hà Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (31-85) cm, dài (3-11.5) m	199	200,0	Đức	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì tròn đk từ 40cm, dài từ 3.8m	3	265,7	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (25-61) cm, dài (3.1-11.6) m	215	200,0	Đan Mạch	Cont Spitc	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: (26-77) cm, dài: (1,5-11,7) m	819	200,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk: 30-67cm, dài 2.5-11.6m	128	200,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn, dài từ 2.8m, đk từ 30cm	71	262,4	Slovenia	Hải Phòng	C&F
Gỗ tần bì xẻ (32mm*277-375mm*2.4-3m)	29	460,6	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ thông trắng xẻ sậy, 25 mm x 125 mm x (3000-4800) mm	45	200,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã-GH
Gỗ thông tròn đk: 24 cm, dài 3M.	4	195,9	Nhật Bản	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn dài 3.8m có đk gỗ từ (16-70) cm	146	135,5	Australia	Cát Lái	CFR
Gỗ thông xẻ - (24-50x100-250x2440-4900) mm	151	280,0	Uruguay	Cát Lái	C&F
Gỗ thông xẻ 18x120x2700mm	202	220,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy (32/38X100X4000) mm	451	190,0	Chile	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy (dày 25-40x rộng từ 100-300xdài từ 1500-6000mm)	80	180,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 15mm x rộng 100mm x dài 1800mm	353	182,3	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sấy dày 50mm, dài: (210-540) cm	51	235,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (22 X 100-150 X 3000-5400) mm	88	260,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (25 X 100 X 3000-5100) mm	214	220,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, dày: 19mm, rộng 100-200mm, dài 2440 mm	43	255,0	Achentina	Cảng Xanh	CIF
Gỗ thông xẻ, dày: 25mm, rộng 200mm, dài 4000mm	48	385,0	Uruguay	Cảng Xanh	CIF
Gỗ thích xẻ (25.4*80-300*1400-3600) mm	65	760,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 28cm, dài 5.6 m	409	175,0	Braxin	Quy Nhơn	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk từ 30cm; dài 5,8 m	322	169,0	Uruguay	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam trắng xẻ sấy dày 32/44MM, dài 2.700M - 5.700M	181	250,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ xẻ hồ đào - rộng 3 inch, dài 5 feet, dày 25,4mm (4/4)	52	610,0	Mỹ	Quy Nhơn	CIF
Gỗ xoan đào xẻ dày trên 6 mm	5	300,2	Lào	Quảng Nam	DAF
Tấm ván ép công nghiệp MDF (1.220x2.440x15) mm+-5%	68	112,0	Trung Quốc	Lạng Sơn	DAF
Ván dăm 14x1220x2440mm	109	125,0	Indonesia	Cảng Xanh	CFR
Ván dăm PB (14 x 1220 x 2440) MM	884	118,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván ép MDF dày 2.7 mm (kích thước 2.7x1220x2440 mm)	366	510,0	New Zealand	Hải Phòng	CIF
Ván MDF kt: 1220*2440*15MM	207	148,0	Trung Quốc	Cát Lái	DDU
Ván MDF, dày trên 5mm, quy cách (5.2mm x 500mm x 2745) mm	29	195,0	Malaysia	Cát Lái	CIF
Ván plywood (03*1220*2440) mm = 3,685 tấm	33	520,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Xuất khẩu mặt hàng gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ

(Từ 13/6/2023 đến 26/6/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ trong kỳ từ 13/6/2023 đến 26/6/2023 đạt 4,46 triệu USD, tăng 12,4% so với kỳ trước (từ 30/5/2023 đến 13/6/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu chậu gốm sứ đạt 2,34 triệu USD, giảm 7,7% so với kỳ trước; gốm sứ trang trí đạt 1,38 triệu USD, tăng 170,8%; gốm sứ gia dụng đạt 557,5 nghìn USD, tăng 14,0%...

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ được xuất khẩu tới 36 thị trường. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong kỳ, ước đạt 938 nghìn USD, giảm 10,1% so với kỳ trước. Tiếp theo là các thị trường: Italia, Pháp, Hà Lan, Anh, Australia...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Chậu gốm tròn mã HE01 - kích thước D92 H97/ D67 H79/ D56 H52 cm, xuất khẩu sang thị trường Bemuda có giá 560,0 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép); chậu 5-6065-AN (set 3; 82*89; 48*54; 35*37cm), xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 215,0 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép), chậu gốm-Avignon Planter - Crema Antico - S/4, kích thước (66 x 80,49 x 61,31 x 42,22 x 28) cm, xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 198,5 USD/bộ (FOB cảng Cái

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mép); chậu gốm bộ 3, size (70x62; 50x46; 37x31) cm, xuất khẩu sang thị trường Anh có giá 138,4 USD/bộ (FOB cảng Cát Mép); chậu gốm (set = 3 pce) (kích thước: D: 60 cm x H: 84 cm), xuất khẩu sang thị trường Mexico có giá 136,0 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái)...

Một số lô hàng gốm sứ mỹ nghệ xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đài Loan	Chậu đất nung bộ 2 cái (45x60cm - 35x50cm)	Bộ	120	18,0	Cát Lái
	Chậu đất nung bộ 1 cái (50x80cm)	Bộ	420	12,0	Cát Lái
Đan Mạch	Chậu gốm CLAYGREEK-L-WHITE (D52xH46 cm)	Cái	360	35,0	Gemalink
	Chậu gốm (203840800)- SKU 5707644499904; D45 H55 D34 H45cm	Bộ	360	27,3	Cát Mép
	Bình gốm, kích thước: D16 H35cm-(4cái/thùng)	Cái	600	4,5	Cát Mép
Đức	Chậu đất nung trồng cây, trang trí bộ 2 (80/65x57/50cm)	Bộ	21	77,8	Cát Mép
	Chậu gốm sân vườn kích thước D38H74 cm	Cái	27	36,8	Cát Lái
	Chậu bộ 3 gốm sân vườn kích thước D30/23/16H28 cm	Bộ	151	23,9	Cát Lái
	Chậu bộ 2 Gốm sân vườn kích thước D71/48H64/43 cm	Bộ	114	19,2	Cát Lái
Anh	Chậu gốm bộ 3, size (70x62; 50x46; 37x31) cm	Bộ	9	138,4	Cát Mép
	Bí đất nung bộ 3, size (52x33; 42x18; 33x15) cm	Bộ	20	43,8	Cát Mép
	Đĩa gốm tròn (41*4) cm	Cái	150	5,6	Gemalink
Australia	Chậu gốm đất nung, đường kính 77cm, cao 57cm	Cái	96	70,0	Cát Lái
	Chậu gốm, 65*70,45*52,34*39,23*28 cm (1 SET = 4 PCE)	Bộ	24	54,5	Cát Lái
Ba Lan	Chậu gốm bộ 3 (h 49cm,h 38cm,h 31cm)	Bộ	192	45,1	Phước Long
	Đĩa gốm bộ 3 (L 32cm,L 44cm,L 50cm)	Bộ	50	21,9	Phước Long
	Đĩa gốm bộ 4 (L 20cm,L 27cm,L 36cm,L 50cm)	Bộ	200	21,9	Phước Long
Bemuda	Chậu gốm tròn mã HE01 - D92 H97/ D67 H79/ D56 H52 cm	Bộ	2	560,0	Cát Mép
	Chậu gốm tròn mã HE55 - kích thước D55 H92 cm	Cái	2	330,0	Cát Mép
Bỉ	Sản phẩm trang trí chậu bộ 2 gốm sân vườn, QC: (D55/43H49/39) cm	Bộ	24	66,7	Cát Lái
	Sản phẩm trang trí chậu Gốm sân vườn, QC: (D39H74) cm	Cái	31	56,4	Cát Lái
Ấn Độ	Lọ hoa sơn mài cốt gốm kích thước (38x20x113)cm	Cái	18	40,9	Tân Vũ
	Tượng sơn mài cốt gốm kích thước (46x19x75) cm	Cái	36	22,0	Tân Vũ
Hà Lan	Chậu gốm bộ 4 (30/37/47/58*H26/33/39/47cm)	Bộ	80	40,7	Gemalink
	Lọ hoa bằng sứ, KT: 8x8x25.3 cm	Cái	200	8,4	Hải Phòng
	Chậu gốm bộ 3 (23.5/33/45*H14.5/21/26 cm)	Bộ	168	7,9	Gemalink
Italia	Bộ chuông trang trí gốm DISPLAY 24 CAMPANELLE L,E, 2023 (1 bộ = 24 chiếc, KT: 7.12cm x 7.12cm x 7.98cm)	Bộ	160	46,1	Nam Đình Vũ
	Lọ hoa bằng gốm có bướm, hoa tím và hoa trang trí VASE BIG FLOWER (KT: 22.61cm x 21.66cm x 26.79cm)	Cái	290	12,5	Nam Đình Vũ
	Chiếc chậu gốm có hoa, hoa hướng dương và chim trang trí CACHEPOT COUNTRY MEDIUM (KT: 25.46x 24.89x 20.61cm)	Cái	342	10,0	Nam Đình Vũ
	Trang trí bằng gốm (Thiên thần, KT: 14.8cm x 15.1cm x 22cm)	Cái	960	8,5	Nam Đình Vũ
Mexico	Chậu gốm (set = 3 pce) (kích thước: D: 60 cm x H: 84 cm)	Bộ	4	136,0	Cát Lái
	Chậu gốm (set = 4 pce) (kích thước: D: 59 cm x H: 70 cm)	Bộ	8	88,0	Cát Lái
Mỹ	Chậu 5-6065-AN (set 3; 82*89; 48*54; 35*37cm)	Bộ	26	215,0	Cát Mép
	Chậu gốm-Avignon Planter - Crema Antico - S/4, kích thước (66 x 80,49 x 61,31 x 42,22 x 28) cm	Bộ	8	198,5	Cát Mép
	Chậu gốm bộ 3 (70x70x58cm; 55x55x45cm; 45x45x40cm)	Bộ	12	174,0	Cát Lái
	Bình bằng gốm 35x35x60cm	Cái	50	50,0	Phước Long
	Lu miệng cắt gốm, bộ 2 cái (SIZE: W17xH24cm, W12xH17cm)	Bộ	36	31,4	Cát Mép

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Thú Gốm đất nung. Kích thước: 21x19H42 cm	Cái	96	17,8	Phước Long
	Đĩa kê chậu 5-2022-OR-55 (55*7cm)	Cái	36	17,3	Cái Mép
	Tô chân gốm, bộ 3 cái (W24xH13cm, W19xH10cm, W15xH8cm)	Bộ	48	16,9	Cái Mép
	Bát gốm (CB22-33101R)- SKU 251696; L39 W35 H20cm-(2cái/thùng)	Cái	90	12,0	Cái Mép
	Đôn ngồi bằng gốm 40x40x65cm	Cái	200	10,0	Phước Long
Nga	Đĩa tròn vành đứng 26cm xanh Thiên Phúc AU02- 2(DAS2) gốm	Cái	1.560	9,9	Cát Lái
	Tô 23x22cm xanh Lục Bảo (NS27) bằng gốm	Cái	750	6,7	Cát Lái
Nhật Bản	Chậu gốm bộ 1 (Chậu: 37x37, đĩa lót chậu: 25x3) cm, 1 bộ = 2 cái	Bộ	120	39,2	Cát Lái
	Chậu gốm tròn bộ 4 (38*37.5; 30.5*30.5; 24.5*23.5; 19*19.5) cm	Bộ	300	29,8	Cát Lái
	Chậu gốm tròn bộ 3 (41*38; 33.5*32; 27*25.5) cm	Bộ	360	28,8	Cát Lái
	Chậu gốm đất nung bộ 2 (L20XW20XH20, L30XW30XH30) cm	Bộ	165	14,3	Cát Lái
Tây Ban Nha	Chậu gốm bộ 6 (Phi 70, 60, 50, 40, 30, 20cm)	Bộ	48	99,0	Gemalink
	Chậu gốm bộ 4 (Phi 80, 70, 60, 50cm)	Bộ	130	44,0	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ chỉ sử dụng để tham khảo)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Ngành nội thất Trung Quốc xây dựng hệ thống sản xuất xanh

Theo nguồn Wood365.cn, gần đây, Hiệp hội Nội thất Quốc gia Trung Quốc đã đưa ra thông báo rằng 9 tiêu chuẩn nhóm bao gồm "Thông số kỹ thuật để đánh giá sản phẩm nội thất bằng gỗ có thiết kế xanh" đã được phê duyệt để phát hành. Điều này cho thấy thiết kế và sản xuất xanh của ngành nội thất có đặc điểm kỹ thuật tiêu chuẩn tốt hơn và đầy đủ hơn. Trước đó, Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin đã công bố Danh sách Sản xuất Xanh năm 2022 và 21 công ty trang trí nội thất đã được chọn. Ngành nội thất trở thành một trong những ngành phát triển nhanh nhất trong sản xuất xanh và đã thiết lập một hệ thống sản xuất xanh.

Theo các thông báo từ số 17 đến số 25 năm 2023 do Hiệp hội Nội thất Trung Quốc ban hành gần đây, phát hành "Thông số kỹ thuật đánh giá sản phẩm thiết kế xanh cho đồ nội thất bằng gỗ"; "Thông số kỹ thuật đánh giá sản phẩm thiết kế xanh cho đồ nội thất bọc"; "Yêu cầu kỹ thuật đối với việc tích hợp và ghép gỗ đường kính nhỏ cho đồ nội thất"; "Thông số kỹ thuật đánh giá sản phẩm thiết kế xanh cho nội thất kim loại", "Thông số kỹ thuật đánh giá sản phẩm thiết kế xanh cho nội thất nhựa", "Thông số kỹ thuật đánh giá sản phẩm thiết kế xanh cho nội thất mây tre đan "; "Đánh giá thông số kỹ thuật của sản phẩm thiết kế xanh cho nội thất bằng kính", "Đánh giá sản phẩm thiết kế xanh Thông số kỹ thuật cho đồ nội thất bằng đá trong nhà"; "Yêu cầu lắp đặt thiết bị phân phối điện nội thất" 9 tiêu chuẩn nhóm.

Trong Danh sách sản xuất xanh năm 2022 do Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin công bố, có các công ty Sophia Home, Zhibang Home, Tiantan Furniture, Qumei Home, Henglin Home, Fujian Dushi Wood, Furen Wood, Nippon Paint, Jia Baoli Paint, Qisheng... Việc 21 công ty trang trí nội thất tạo thành một phân khúc trang trí nội thất quan trọng trong sản xuất xanh, đánh dấu sản xuất xanh và ít carbon đã trở thành sự đồng thuận chung của các công ty trang trí nội thất và quá trình chuyển đổi sản xuất xanh quy mô lớn đã bắt đầu, bước vào một giai đoạn mới của phát triển xanh và

carbon thấp.

Các chuyên gia trong ngành tin rằng thiết kế và sản xuất xanh là một phương thức sản xuất hiện đại, được đặc trưng bởi mức tiêu thụ thấp, phát thải thấp, hiệu quả cao và lợi ích cao. Thúc đẩy xây dựng hệ thống sản xuất xanh là một phần quan trọng trong việc xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại. Ngành nội thất đã công bố 9 tiêu chuẩn nhóm sản xuất và thiết kế xanh bao gồm "Thông số kỹ thuật để đánh giá sản phẩm nội thất bằng gỗ có thiết kế xanh", đảm bảo sự phát triển lành mạnh và bền vững của thiết kế và sản xuất xanh trong ngành nội thất từ cấp độ cơ bản.

Hiện tại, sản xuất xanh đã trở thành một chính sách quốc gia, và các nhà máy xanh và khu công nghiệp xanh đang hỗ trợ các nguyên tắc cơ bản cho nền sản xuất xanh của Trung Quốc. Việc xây dựng hệ thống sản xuất xanh đang thúc đẩy sự chuyển đổi đồng bộ của chuỗi công nghiệp và chuỗi cung ứng, tạo thêm động lực mới cho sự phát triển chất lượng cao của nền kinh tế. Là một phần quan trọng của ngành sản xuất, sản xuất xanh của ngành nội thất cũng đã đạt được những bước tiến vượt bậc và đóng vai trò tích cực trong việc nâng cấp và chuyển đổi xanh của ngành.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, bao gồm cả đồ nội thất của Malaysia, dự kiến đạt 19 tỷ RM vào năm 2025

Theo nguồn themalaysiavoices.com, dựa trên các dự báo của Chính sách Nông nghiệp Quốc gia giai đoạn 2021-2030, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, bao gồm cả đồ nội thất của Malaysia, dự kiến đạt 19 tỷ RM vào năm 2025.

Những nỗ lực của chính phủ nhằm phát triển thị trường gỗ và sản phẩm gỗ quốc gia đã được củng cố bằng việc thương mại hóa các nhãn hiệu Made in Malaysia cho thị trường quốc tế.

Malaysia xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao bao gồm đồ nội thất bằng gỗ sang 160 quốc gia và các thị trường chính là Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Australia, Anh và khu vực Trung Đông.

Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Malaysia đạt 11,14 tỷ RM và để duy trì hoạt động kinh doanh, ngành nội thất sẽ yêu cầu kiểm tra lại sản xuất và đổi mới để nâng cao chuyên môn lành nghề tại địa phương.

Các chiến lược khác cần được áp dụng bao gồm công nghệ Cách mạng Công nghiệp (4.0) và nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn hóa sản phẩm đồng thời cần phải nghiên cứu sâu về nhu cầu của các thị trường tiêu thụ.

Chính phủ đang kêu gọi ngành công nghiệp đồ nội thất hợp tác chặt chẽ với Ủy ban Công nghiệp Gỗ Malaysia, Hội đồng Gỗ Malaysia và các cơ quan liên kết với chính phủ khác để thúc đẩy ngành công nghiệp đồ nội thất.

THAM KHẢO

Mời doanh nghiệp tham dự Hội chợ quốc tế đồ gỗ Algeria vào tháng 9/2023

Theo Thương vụ Việt Nam tại Algeria, hội chợ quốc tế đồ gỗ của Algeria (Algeria Woodtech) lần thứ hai sẽ được công ty sự kiện CGCOM EVENT tổ chức từ ngày 18 đến ngày 21/9/2023 tại Cung Hội chợ Triển lãm Pins Maritimes, thủ đô Algiers.

Năm nay, hội chợ dự kiến sẽ chào đón sự tham gia của nhiều nước trong đó có

chủ nhà Algeria, Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Mỹ...

Năm 2012, sự kiện đã thu hút được sự tham gia của 60 công ty Thổ Nhĩ Kỳ, Trung Quốc, Ấn Độ, Pakixtan, Tunisia, Bồ Đào Nha, Italia, Đức... và hàng nghìn khách tham quan là doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Sự kiện là cơ hội để các doanh nghiệp và các nhà đầu tư thiết lập quan hệ đối tác thương mại và xúc tiến các mặt hàng xuất nhập khẩu trong lĩnh vực gỗ, đồ gỗ, công nghệ và trang thiết bị liên quan.

Algeria không trồng rừng nên phải nhập khẩu gỗ, đồ gỗ để phục vụ sản xuất và tiêu thụ trong nước. Mỗi năm, nước này mua khoảng 700.000 tấn gỗ, trong đó 200.000 tấn dùng để sản xuất đồ gỗ. Ngoài ra, Algeria còn có nhu cầu mua 4.000m² gỗ dán (ván ép) và các loại gỗ công nghiệp MDF thô.

Gỗ được nhập khẩu từ 38 nước trong đó có Tunisia, Thổ Nhĩ Kỳ, Triều Tiên, Trung Quốc, Singapore, Indonesia, Libăng, Phần Lan, Braxin, Bờ Biển Ngà, CHDC Congo, Nigeria và Cameroon.

Đối với đồ gỗ của các nước không ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Algeria khi nhập khẩu vào nước này phải chịu thuế nhập khẩu 30% (bên cạnh thuế VAT 19%, thuế khâu trừ 2% và thuế đoàn kết cộng đồng 2%). Với gỗ thô, thuế nhập khẩu là 5%, gỗ sơ chế, gỗ dán thuế nhập khẩu là 15%.

Đồ gỗ nhập khẩu từ châu Âu được giảm thuế nhập khẩu còn 15%, VAT còn 9% trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do Algeria - EU.

Để tìm hiểu thông tin chi tiết và đăng ký tham dự, doanh nghiệp có thể liên hệ với Thương vụ Việt Nam tại Algeria theo địa chỉ email dz@moit.gov.vn hoặc trực tiếp truy cập www.algeriawood.com.

Lưu ý về thanh toán đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Pakixtan

Theo Thương vụ Việt Nam tại Pakixtan cảnh báo, hiện nay Pakixtan vẫn rất khó khăn trong thanh toán quốc tế.

Vì vậy nhiều doanh nghiệp nhập khẩu Pakixtan không thể mua được ngoại tệ để thanh toán cho doanh nghiệp xuất khẩu, dẫn đến các lô hàng nhập khẩu bị tồn đọng tại cảng Karachi quá thời gian quy định, phát sinh chi phí và tiền phạt của cảng và hãng tàu, và bị Hải quan Pakixtan tịch thu bán đấu giá.

Thương vụ Việt Nam tại Pakixtan thông báo, Hải quan Pakixtan quy định tất cả các lô hàng nhập khẩu tồn đọng trong cảng quá thời hạn 30 ngày sẽ bị đưa vào danh sách tịch thu bán đấu giá.

Thương vụ đề nghị tất cả các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng sang Pakixtan lưu ý đối với các lô hàng bị chậm thanh toán, đặc biệt là quá thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm hàng đến cảng Karachi cần báo cho Thương vụ Việt Nam tại Pakixtan để phối hợp xử lý, không để phát sinh chi phí và tiền phạt của cảng và hãng tàu, và bị Hải quan Pakixtan tịch thu bán đấu giá.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**